

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày: 31 tháng 12 năm 2017
 Chưa hợp nhất

Đơn vị tính : Đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1,281,261,191,967	1,918,495,794,874
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	22,624,438,921	20,270,038,316
1. Tiền	111		22,624,438,921	15,500,038,316
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	4,770,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	900,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.13a		900,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		369,389,941,400	663,307,500,505
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2a	376,408,537,230	440,755,277,070
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.3	8,258,918,964	110,673,670,305
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	9,336,378,107	22,122,378,107
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	17,374,642,970	130,787,850,654
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.6	(41,988,535,871)	(41,031,675,631)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		860,312,686,802	1,191,328,032,556
1. Hàng tồn kho	141	V.7	873,623,016,537	1,191,596,438,065
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.7	(13,310,329,735)	(268,405,509)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		28,934,124,844	42,690,223,497
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7,754,205,428	8,544,284,426
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		21,179,919,416	34,145,939,071
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1,330,008,511,873	1,031,592,430,628
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		252,265,979,421	258,035,051,708
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.2b	246,750,000,000	246,750,000,000
2. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	5,515,979,421	11,285,051,708
II. Tài sản cố định	220		463,658,003,980	418,895,787,380
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	175,559,176,461	134,550,025,449
- Nguyên giá	222		567,819,814,929	468,119,605,061
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(392,260,638,468)	(333,569,579,612)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	44,833,281,123	73,421,400,812
- Nguyên giá	225		67,344,980,731	103,584,393,324
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		(22,511,699,608)	(30,162,992,512)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	243,265,546,396	210,924,361,119
- Nguyên giá	228		250,503,910,452	215,716,373,091
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(7,238,364,056)	(4,792,011,972)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		66,175,057,242	124,558,869,156
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	66,175,057,242	124,558,869,156

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		513,904,694,179	191,189,591,655
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.13b	39,499,104,000	39,499,104,000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.13b	12,000,000,000	12,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.13b	166,304,000,000	166,304,000,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.13b	(32,198,409,821)	(26,613,512,345)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	V.13a	328,300,000,000	
VI. Tài sản dài hạn khác	260		34,004,777,051	38,913,130,729
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	34,004,777,051	38,913,130,729
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		2,611,269,703,840	2,950,088,225,502
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1,262,394,075,542	1,630,784,111,581
I. Nợ ngắn hạn	310		1,237,404,701,666	1,506,597,792,738
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	134,964,149,397	206,285,864,222
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	25,176,244,589	81,713,870,581
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	18,966,183,671	12,762,148,420
4. Phải trả người lao động	314	V.17	10,103,814,663	17,943,520,172
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18	6,236,168,958	8,454,318,481
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19	8,571,708,357	29,866,376,255
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	1,017,821,195,053	1,148,798,457,629
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21	15,000,000,000	
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	565,236,978	773,236,978
II. Nợ dài hạn	330		24,989,373,876	124,186,318,843
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	24,989,373,876	124,186,318,843
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1,348,875,628,298	1,319,304,113,921
I. Vốn chủ sở hữu	410		1,348,875,628,298	1,319,304,113,921
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	1,250,446,250,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1,250,446,250,000	660,000,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.23	21,519,209,100	611,965,459,100
3. Cổ phiếu quỹ (*)	415	V.23	(27,417,629,848)	(27,417,629,848)
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	104,327,799,046	74,756,284,669
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		15,711,559,669	74,756,284,669
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		88,616,239,377	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		2,611,269,703,840	2,950,088,225,502

An Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

P. Tổng Giám Đốc


Huỳnh Thị Kim Hoa


Lê Tiến Dũng




Nguyễn Duy Nhật

CTy Cổ Phần Nam Việt

19D Trần Hưng Đạo P Mỹ Quý TP Long Xuyên-An Giang

Mẫu số B 02 - DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22/12/2014 của Bộ tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Chưa hợp nhất

Quý 04/2017

Đơn vị tính : Đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 04		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	7	8
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	835,639,163,307	760,330,522,303	2,936,307,053,350	2,829,505,994,484
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	5,127,079,707	4,048,651,877	12,876,251,505	21,050,080,302
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		830,512,083,600	756,281,870,426	2,923,430,801,845	2,808,455,914,182
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	706,030,545,647	684,220,982,071	2,553,393,075,387	2,507,797,468,793
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ(20 = 10 - 11)	20		124,481,537,953	72,060,888,355	370,037,726,458	300,658,445,389
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	5,577,583,256	36,113,016,036	17,765,180,359	68,581,838,232
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	12,902,526,855	29,595,020,707	65,904,245,630	94,111,747,022
- Trong đó : Chi phí lãi vay	23		11,252,669,725	18,428,257,908	54,552,273,779	74,473,568,203
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6	46,722,455,200	37,763,075,650	135,242,142,427	123,292,265,723
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	24,140,152,062	20,808,431,213	48,503,993,256	63,190,080,497
10. Lợi nhuận thuần từ HĐKD [30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)]	30		46,293,987,092	20,007,376,821	138,152,525,504	88,646,190,379
11. Thu nhập khác	31	VI.8	1,909,917,887	832,283,166	2,606,390,292	3,734,919,216
12. Chi phí khác	32	VI.9	3,752,271,550	(381,833,853)	33,227,673,209	14,311,204,154
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(1,842,353,663)	1,214,117,019	(30,621,282,917)	(10,576,284,938)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		44,451,633,429	21,221,493,840	107,531,242,587	78,069,905,441
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.16	8,470,678,741	(555,138,769)	18,915,003,210	11,965,293,013
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51-52)	60		35,980,954,688	21,776,632,609	88,616,239,377	66,104,612,428
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70					
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71					

Người lập biểu

Kế toán trưởng

An Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

P. Tổng giám đốc

Nguyễn Thị Kim Choa

Đoàn Kiến Dũng



Nguyễn Duy Nhứt

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Áp dụng theo phương pháp trực tiếp)

Quý 04/2017

(Chưa hợp nhất)

Đvt : VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ	THUYẾT MINH	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm này	Năm trước
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1 Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		2,845,608,047,472	2,742,754,047,425
2 Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(1,062,850,403,414)	(1,015,404,337,599)
3 Tiền chi trả cho người lao động	03		(83,491,099,778)	(134,852,548,543)
4 Tiền lãi vay đã trả	04		(51,221,965,694)	(64,772,419,789)
5 Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(11,954,571,527)	-
5 Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		208,719,360,942	576,557,789,616
6 Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(173,177,160,011)	(643,959,767,381)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		1,671,632,207,990	1,460,322,763,729
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1 Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(352,760,000,000)	(19,734,276,760)
2 Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		23,680,000,000	4,740,000,000
3 Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		199,300,000,000	170,520,120,000
4 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5,091,241,855	37,778,851,665
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(124,688,758,145)	193,304,694,905
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1 Tiền thu từ đi vay	33		2,096,367,749,299	2,960,293,771,874
2 Tiền trả nợ gốc vay	34		(3,568,289,297,574)	(4,553,244,444,358)
3 Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(19,908,872,286)	(26,490,712,288)
4 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(56,380,265,700)	(30,024,862,156)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1,548,210,686,261)	(1,649,466,246,928)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(1,267,236,416)	4,161,211,706
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		20,270,038,316	10,498,978,823
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		3,621,637,021	5,609,847,787
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		22,624,438,921	20,270,038,316

An Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

Người lập

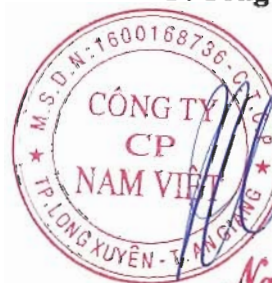
Kế toán trưởng

P. Tổng Giám Đốc

Huỳnh Thị Kim Hoa

Lê Tiến Dũng

Nguyễn Duy Nhứt



CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Chưa hợp nhất)

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Nam Việt (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, chế biến.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Nuôi cá; Sản xuất bao bì giấy; In bao bì các loại; Sản xuất, chế biến và bảo quản thủy sản; Chế biến dầu cá và bột cá; Mua bán cá, thủy sản; Sản xuất thức ăn thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.	Gia công chế biến thủy sản, mua bán thực phẩm	100%	100%	100%
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông	19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang.	Kinh doanh thủy sản xuất khẩu	90,91%	90,91%	90,91%

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là chế biến và bảo quản rau quả. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 44,44%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp..

Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân

Công ty có đơn vị trực thuộc là Nhà máy Chế biến Thức ăn thủy sản – Chi nhánh Công ty Cổ phần Nam Việt, địa chỉ tại Khu Công nghiệp Thốt Nốt, phường Thới Thuận, quận Thốt Nốt, TP. Cần Thơ.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán là tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: chỉ bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất trả trước và sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

8. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 07
Tài sản cố định khác	05 - 18

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Phương tiện vận tải, truyền dẫn

Số năm

05 - 11

06

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,....

Quyền sử dụng đất của Công ty được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian có quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không thời hạn không tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 06 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

14. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

15. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

17. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ này mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ này.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ sau.

18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

19. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	6.358.904.200	355.906.520
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.265.534.721	15.144.131.796
Các khoản tương đương tiền - Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng	-	4.770.000.000
Cộng	<u>22.624.438.921</u>	<u>20.270.038.316</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Phải thu ngắn hạn/dài hạn của khách hàng

2a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	40.984.151.036	199.300.000.000
Công ty TNHH TMDV Navifeed	40.984.151.036	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương	-	199.300.000.000
Phải thu các khách hàng khác	335.424.386.194	241.455.277.070
Các khách hàng nước ngoài	297.157.889.855	199.493.085.599
Các khách hàng trong nước	38.266.496.339	41.962.191.471
Cộng	376.408.537.230	440.755.277.070

2b. Phải thu dài hạn của khách hàng

Phải thu dài hạn Công ty TNHH Đại Tây Dương (bên liên quan).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước cho các bên liên quan	600.000.000	35.058.712.010
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	-	35.058.712.010
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh	600.000.000	-
Trả trước cho các người bán khác	7.658.918.964	75.614.958.295
Các nhà cung cấp nước ngoài	28.734.475	13.680.000
Các nhà cung cấp trong nước là chủ vùng nuôi cá	1.762.958.333	67.381.360.000
Các nhà cung cấp trong nước khác	5.867.226.156	8.219.918.295
Cộng	8.258.918.964	110.673.670.305

4. Phải thu về cho vay ngắn hạn

4a. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cho các bên liên quan vay	7.940.378.107	20.690.378.107
Cho Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh vay	7.940.378.107	7.840.378.107
Cho Công ty TNHH Đại Tây Dương vay	-	12.850.000.000
Cho các tổ chức và cá nhân khác vay	1.396.000.000	1.432.000.000
Cho Bà Cao Thị Kim Thanh	896.000.000	932.000.000
Cho Bà Nguyễn Thảo Trang (*)	500.000.000	500.000.000
Cộng	9.336.378.107	22.122.378.107

(*) Số dư nợ phải thu này đã quá hạn và Công ty đang trích lập dự phòng 100%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn/dài hạn khác****5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	543.977.889	(132.871.914)	290.212.402	-
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh - Phải thu tiền lãi	442.906.379	(132.871.914)	218.516.920	-
Công ty TNHH Đại Tây Dương - Phải thu tiền lãi	79.071.510	-	45.509.722	-
Ông Doãn Chí Thiên - Tạm ứng	-	-	25.985.760	-
Ông Đỗ Lập Nghiệp - Tạm ứng	22.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương - Phải thu khác	-	-	200.000	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	16.830.665.081	(815.052.141)	130.497.638.252	(635.046.029)
Tạm ứng	9.568.847.061	-	4.286.297.064	-
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	4.593.320.833	-	561.813.418	-
Tiền lãi cho vay	476.479.546	(459.284.546)	476.479.546	(386.008.712)
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược	30.000.000	-	121.729.224.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	2.162.017.641	(355.767.595)	3.443.824.224	(249.037.317)
Cộng	17.374.642.970	(947.924.055)	130.787.850.654	(635.046.029)

5b. Phải thu dài hạn khác

Ký quỹ, ký cược dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**6. Nợ xấu**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
		Giá trị có thể thu hồi		Giá trị có thể thu hồi
Phải thu tiền bán hàng				
		40.400.488.644		41.307.621.584
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	33.850.000	23.695.000	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	752.895.000
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	3.302.642.124	1.651.321.062	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	1.703.823.964
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	136.303.900	40.891.170	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	106.845.000
Quá hạn trên 03 năm	36.927.692.620	-	Quá hạn trên 03 năm	38.744.057.620
Phải thu cho vay		5.492.101.347		500.000.000
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	4.096.101.347	2.867.270.943	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	896.000.000	268.800.000	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	-
Quá hạn trên 03 năm	500.000.000	-	Quá hạn trên 03 năm	500.000.000
Phải thu khác		1.275.153.520		832.247.141
Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	442.906.379	310.034.465	Quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm	-
Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	-	-	Quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm	57.316.667
Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	57.316.667	17.195.000	Quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm	561.809.262
Quá hạn trên 03 năm	774.930.474	-	Quá hạn trên 03 năm	213.121.212
Cộng		47.167.743.511		42.639.868.725
		5.179.207.640		1.608.193.094

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu và cho vay khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	41.031.675.631	31.017.222.670
Trích lập dự phòng bổ sung	2.880.070.240	10.014.452.961
Xóa nợ	(1.923.210.000)	
Số cuối kỳ	41.988.535.871	41.031.675.631

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**7. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	23.000.000	-	85.365.953.696	-
Nguyên liệu, vật liệu	104.808.466.291	-	106.282.118.577	-
Công cụ, dụng cụ	7.672.266.444	-	8.450.860.407	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	448.918.854.648	-	333.825.709.763	-
Thành phẩm	277.830.966.087	(13.310.329.735)	621.068.098.648	(268.405.509)
Hàng gửi đi bán	34.369.463.067	-	36.603.696.974	-
Cộng	873.623.016.537	(13.310.329.735)	1.191.596.438.065	(268.405.509)

Hàng tồn kho cuối kỳ có giá trị ghi sổ là 110.526.335.129 VND (số đầu năm là 315.230.545.435 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	268.405.509	1.660.540.609
Trích lập/ (Hoàn nhập) dự phòng	13.041.924.226	(1.392.135.100)
Số cuối kỳ	13.310.329.735	268.405.509

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	3.398.440.081	2.865.106.749
Công cụ dụng cụ	698.081.194	972.712.551
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	3.657.684.153	4.706.465.126
Cộng	7.754.205.428	8.544.284.426

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê đất	31.058.853.037	32.020.840.613
Công cụ dụng cụ	16.529.788	1.416.542.035
Chi phí sửa chữa	2.241.988.720	1.917.629.348
Các chi phí trả trước dài hạn khác	687.405.506	3.558.118.733
Cộng	34.004.777.051	38.913.130.729

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	152.559.647.789	283.927.421.257	24.247.870.848	7.384.665.167	-	468.119.605.061
Mua trong kỳ	150.000.000	3.939.451.854	822.961.000	90.712.728	-	5.003.125.582
Đầu tư XDCB hoàn thành	19.982.881.609	15.763.206.003	3.944.071.231	1.085.177.331	17.590.305.424	58.365.641.598
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	41.500.712.623	3.265.952.000	-	-	44.766.664.623
Điều chỉnh phân loại	(19.349.305.657)	-	-	-	19.349.305.657	-
Thanh lý, nhượng bán	(264.725.534)	(6.622.030.072)	(1.185.086.329)	(48.160.000)	-	(8.120.001.935)
Điều chỉnh giảm khác	-	(315.220.000)	-	-	-	(315.220.000)
Số cuối kỳ	153.078.498.207	338.193.541.665	31.095.768.750	8.512.395.226	36.939.611.081	567.819.814.929
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	67.782.763.999	149.200.632.734	11.535.512.310	5.912.476.152	-	234.431.385.195
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	93.980.558.676	217.365.408.516	15.956.945.753	6.266.666.667	-	333.569.579.612
Khấu hao trong kỳ	8.553.932.777	32.980.927.009	2.716.425.317	295.914.270	2.578.132.937	47.125.332.310
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	17.901.507.707	1.632.975.988	-	-	19.534.483.695
Thanh lý, nhượng bán	(129.421.380)	(6.606.089.440)	(1.185.086.329)	(48.160.000)	-	(7.968.757.149)
Điều chỉnh phân loại	(4.342.829.035)	-	-	-	4.342.829.035	-
Số cuối kỳ	98.062.241.038	261.641.753.792	19.121.260.729	6.514.420.937	6.920.961.972	392.260.638.468
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	58.579.089.113	66.562.012.741	8.290.925.095	1.117.998.500	-	134.550.025.449
Số cuối kỳ	55.016.257.169	76.551.787.873	11.974.508.021	1.997.974.289	30.018.649.109	175.559.176.461

10. Tài sản cố định thuê tài chính

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	94.673.706.778	8.910.686.546	103.584.393.324
Thuê tài chính trong kỳ	8.527.252.030	-	8.527.252.030
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(41.500.712.623)	(3.265.952.000)	(44.766.664.623)
Số cuối kỳ	61.700.246.185	5.644.734.546	67.344.980.731
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	27.320.459.527	2.842.532.985	30.162.992.512
Khấu hao trong kỳ	10.755.280.404	1.127.910.387	11.883.190.791

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Cộng
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(17.901.507.707)	(1.632.975.988)	(19.534.483.695)
Số cuối kỳ	20.174.232.224	2.337.467.384	22.511.699.608
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	67.353.247.251	6.068.153.561	73.421.400.812
Số cuối kỳ	41.526.013.961	3.307.267.162	44.833.281.123

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	215.354.374.991	361.998.100	215.716.373.091
Đầu tư xây dựng hoàn thành	37.435.352.010		37.435.352.010
Thanh lý, nhượng bán	(2.647.814.649)	-	(2.647.814.649)
Số cuối kỳ	250.141.912.352	361.998.100	250.503.910.452
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	361.998.100	361.998.100
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	4.430.013.872	361.998.100	4.792.011.972
Khấu hao trong kỳ	2.446.352.084	-	2.446.352.084
Số cuối kỳ	6.876.365.956	361.998.100	7.238.364.056
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	210.924.361.119	-	210.924.361.119
Số cuối kỳ	243.265.546.396	-	243.265.546.396

Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 189.150.016.921 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Xây dựng cơ bản dở dang	124.457.476.342	49.271.555.275	(104.296.396.358)	(3.257.578.017)	66.175.057.242
<i>Dự án khu nuôi trồng thủy sản - Đất</i>	<i>93.819.435.032</i>	<i>1.082.956.600</i>	<i>(37.435.352.010)</i>	<i>(800.000.000)</i>	<i>56.667.039.622</i>
<i>Chi phí xây dựng các khu nuôi trồng thủy sản</i>	<i>13.316.730.532</i>	<i>19.642.460.807</i>	<i>(27.661.526.164)</i>	<i>(2.359.746.023)</i>	<i>2.937.919.152</i>
<i>Nhà máy chế biến thức ăn</i>	<i>16.119.816.453</i>	<i>17.689.289.636</i>	<i>(33.443.175.859)</i>	<i>(97.830.731)</i>	<i>268.099.499</i>
<i>Các hạng mục khác</i>	<i>1.201.494.325</i>	<i>10.856.848.232</i>	<i>(5.756.342.325)</i>	<i>(1.263)</i>	<i>6.301.998.969</i>
Sửa chữa lớn tài sản cố định	101.392.814	256.316.811	-	(357.709.625)	-
Cộng	124.558.869.156	49.527.872.086	(104.296.396.358)	(3.615.287.642)	66.175.057.242

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty gồm có đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

13a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	900.000.000
Dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	328.300.000.000	-
Cộng	328.300.000.000	900.000.000

13b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	39.499.104.000	(3.499.104.000)	39.499.104.000	(3.499.104.000)
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương ⁽ⁱ⁾	36.000.000.000	-	36.000.000.000	-
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông ⁽ⁱⁱ⁾	3.499.104.000	(3.499.104.000)	3.499.104.000	(3.499.104.000)
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	12.000.000.000	(9.959.719.788)	12.000.000.000	(5.202.036.516)
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh ⁽ⁱⁱⁱ⁾	12.000.000.000	(9.959.719.788)	12.000.000.000	(5.202.036.516)
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	166.304.000.000	(18.739.586.033)	166.304.000.000	(17.912.371.829)
Ngân hàng TMCP Hàng Hải (MSB)	135.000.000.000	-	135.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Cromit Cổ Định Thanh Hóa	20.304.000.000	(7.739.586.033)	20.304.000.000	(6.912.371.829)
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt	11.000.000.000	(11.000.000.000)	11.000.000.000	(11.000.000.000)
Cộng	217.803.104.000	(32.198.409.821)	217.803.104.000	(26.613.512.345)

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800645915 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 29 tháng 10 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương 36.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ 36.000.000.000 VND vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 521022000154 chứng nhận thay đổi lần thứ 5 ngày 06 tháng 5 năm 2015 do Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông là 4.824.000.000 VND, tương đương 90,91% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp 3.499.104.000 VND vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 18013991357 chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 30 tháng 6 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại Xanh 12.000.000.000 VND, tương đương 44,44% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã góp đủ 12.000.000.000 VND.

Giá trị hợp lý

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con và công ty liên kết

Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông hiện đang tạm ngưng hoạt động sản xuất, kinh doanh. Các công ty con khác và công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	26.613.512.345	85.389.796.672
Trích lập dự phòng bổ sung	5.584.897.476	7.516.612.929
Xóa dự phòng do chuyển nhượng đầu tư	-	(66.292.897.256)
Số cuối kỳ	32.198.409.821	26.613.512.345

Giao dịch với các công ty con và công ty liên doanh, liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương</i>		
Bán thành phẩm, bao bì	133.813.108.620	205.111.921.080
Bán nguyên vật liệu	408.002.795	377.120.151
Chi phí gia công	399.995.112.580	355.086.086.086
Thu hộ	776.982.000	-
Mua vật tư, nguyên liệu	11.474.982	94.085.054
Chia cổ tức	-	29.000.000.000
Thuê tài sản hoạt động	11.580.000.000	-
	Năm nay	Năm trước
<i>Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh</i>		
Bán nguyên liệu, vật tư	266.699	17.296.381
Bán thành phẩm, bao bì	16.075.200	1.848.585.591
Cho vay	100.000.000	11.594.276.760
Lãi vay phải thu	275.937.752	391.553.031
Mua vật tư, công cụ, dụng cụ	63.203.984	191.168.296

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	50.017.078.402	-
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	50.017.078.402	-
Công ty Cổ phần Rau Quả Nông Trại Xanh	-	-
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	84.947.070.995	206.285.864.222
Các nhà cung cấp trong nước	68.537.817.081	119.978.765.654
Các nhà cung cấp nước ngoài	16.409.253.914	86.307.098.568
Cộng	134.964.149.397	206.285.864.222

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	10.061.952.337	72.496.542.525
Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương	10.061.952.337	72.496.542.525
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	15.114.292.252	9.217.328.056
Các khách hàng trong nước	4.759.733.613	3.230.469.478
Các khách hàng nước ngoài	10.354.558.639	5.986.858.578
Cộng	25.176.244.589	81.713.870.581

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	1.829.693.877	(1.829.693.877)	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	1.088.249.516	(1.088.249.516)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.684.750.635	(1.684.750.635)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.935.084.796	18.915.003.210	(11.954.571.527)	18.895.516.479
Thuế thu nhập cá nhân	821.848.824	4.458.277.547	(5.209.547.979)	70.578.392
Thuế tài nguyên	5.214.800	17.515.600	(22.641.600)	88.800
Thuê môn bài	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	12.762.148.420	27.997.490.385	(21.793.455.134)	18.966.183.671

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thành phẩm xuất khẩu	0%
- Cá nguyên liệu - Công ty tự nuôi bán tổ chức, cá nhân	Không chịu thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán tổ chức	Không kê khai, tính thuế
- Cá nguyên liệu - Công ty mua ngoài bán cá nhân	5%
- Sản phẩm dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo Luật số 71/2014/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014 thì thu nhập từ chế biến thủy sản được áp dụng thuế suất 15% từ ngày 01 tháng 01 năm 2015.

Thu nhập từ các hoạt động khác phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	107.531.242.587	78.069.905.441
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	52.938.241.878	28.930.334.363
- Các khoản điều chỉnh giảm	(34.369.463.067)	(1.067.276.565)
Thu nhập chịu thuế	126.100.021.398	105.932.963.239
Thu nhập được miễn thuế	-	(33.437.147.313)
Thu nhập tính thuế	126.100.021.398	72.495.815.926
Trong đó:		
- Thu nhập được hưởng ưu đãi (thuế suất 15%)	165.470.863.017	51.281.567.784
- Thu nhập không được hưởng ưu đãi	(39.304.263.604)	21.214.248.142
- Thu nhập chuyển quyền sử dụng đất (20%)	(66.578.015)	
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.915.003.210	11.935.084.796
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của năm trước	-	30.208.217
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	18.915.003.210	11.965.293.013

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước với mức 5.000 VND/m³x8%.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Lương còn phải trả nhân viên.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	772.816.288	1.221.526.106
Chi phí cước tàu	3.658.143.000	3.640.296.150
Chi phí hoa hồng môi giới	1.523.198.761	2.800.549.527
Chi phí kiểm nghiệm	282.010.909	465.572.000
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	-	326.374.698
Cộng	6.236.168.958	8.454.318.481

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**19. Phải trả ngắn hạn khác**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	24.771.933.491
Ông Doãn Tới - Cổ tức phải trả	-	9.547.556.891
Ông Doãn Chí Thiên - Cổ tức phải trả	-	15.224.376.600
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.571.708.357	5.094.442.764
Tài sản thừa chờ giải quyết	994.725	753.108.540
Bảo hiểm xã hội	-	-
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.618.205.517	1.483.077.550
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.507.016.700	1.453.901.400
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	5.445.491.415	1.404.355.274
Cộng	8.571.708.357	29.866.376.255

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

20. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn**20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan	-	103.102.500.000
Vay Ông Doãn Tới ^(a)	-	3.102.500.000
Vay Bà Dương Thị Kim Hương ^(b)	-	100.000.000.000
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.017.821.195.053	1.045.695.957.629
Vay ngắn hạn ngân hàng	993.333.002.235	978.301.253.265
Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam ^(c)	370.614.618.764	313.646.004.657
Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội ^(d)	-	91.068.840.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(e)	-	73.609.680.410
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(f)	149.853.202.599	299.817.788.647
Vay Ngân hàng United Overseas Bank ^(g)	39.645.830.300	42.980.833.741
Vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam ^(h)	433.219.350.572	154.532.145.810
Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam	-	2.645.960.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	14.625.000.000	48.725.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	9.863.192.818	18.669.704.364
Cộng	1.017.821.195.053	1.148.798.457.629

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- ^(a) Vay không có tài sản đảm bảo Ông Doãn Tới để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng, đến tháng 08/2017 công ty đã trả dứt nợ.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (b) Vay không có tài sản đảm bảo Bà Dương Thị Kim Hương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 0%, thời hạn vay 12 tháng, đầu tháng 10/2017 công ty đã trả dứt điểm.
- (c) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (d) Khoản vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp toàn bộ hàng hóa, thành phẩm cá tra xuất khẩu của Công ty tại kho của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương (xem thuyết minh số V.7). Đến cuối tháng 9/2017 công ty đã trả dứt nợ sang tháng 10/2017 công ty đã làm thủ tục giải chấp tài sản này.
- (e) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất (xem thuyết minh số V.11), các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thanh Thiên và thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Tây Dương. Tháng 11/2017 Công ty đã trả dứt nợ và giải chấp các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị, thuộc sở hữu của Công ty TNHH Thanh Thiên và thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Tây Dương.
- (f) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).
- (g) Khoản vay Ngân hàng United Overseas Bank để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty bảo lãnh.
- (h) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tiền gửi có kỳ hạn (xem thuyết minh số V.13a) thuộc sở hữu của Công ty và được đảm bảo bằng việc thế chấp các chứng khoán, cổ phiếu thuộc sở hữu của các thành viên Hội đồng quản trị.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	978.301.253.265	3.376.796.892.281	-	(3.361.647.058.810)	(118.084.501)	993.333.002.235
Vay ngắn hạn các cá nhân	103.102.500.000	-	-	(103.102.500.000)	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả	48.725.000.000	-	27.750.000.000	(61.850.000.000)	-	14.625.000.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả	18.669.704.364	-	10.636.304.897	(19.436.051.484)	(6.764.959)	9.863.192.818
Cộng	1.148.798.457.629	3.376.796.892.281	38.386.304.897	(3.546.035.610.294)	(124.849.460)	1.017.821.195.053

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	14.625.000.000	102.375.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong ^(a)	-	78.000.000.000
Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam ^(b)	14.625.000.000	24.375.000.000
Nợ thuê tài chính	10.364.373.876	21.811.318.843
Thuê tài chính Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính ngân hàng Á Châu để mua máy móc thiết bị	6.121.608.330	11.136.881.912
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Chailease để mua máy móc thiết bị	-	881.174.727
Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để mua máy móc thiết bị	4.242.765.546	9.793.262.204
Cộng	24.989.373.876	124.186.318.843

Công ty có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

- (a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Tiên Phong để bù đắp chi phí đầu tư tài sản cố định nhà máy, máy móc thiết bị, vùng nuôi, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp phần vốn góp tại Công ty Cổ phần DAP số 2 – Vinachem thuộc sở hữu của Công ty TNHH Đại Tây Dương đã được giải chấp trong tháng 11/2017 do Công ty đã thanh toán dứt nợ trong tháng 8/2017.
- (b) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam để đầu tư mở rộng vùng nuôi cá tra nguyên liệu, thời hạn vay 60 tháng. Số tiền vay được hoàn trả 06 tháng/lần. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền sử dụng đất của Công ty (xem thuyết minh số V.11).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Tổng nợ	Từ 01 năm trở xuống	Trên 01 năm đến 05 năm
Số cuối kỳ			
Vay dài hạn ngân hàng	29.250.000.000	14.625.000.000	14.625.000.000
Nợ thuê tài chính	20.227.566.694	9.863.192.818	10.364.373.876
Cộng	49.477.566.694	24.488.192.818	24.989.373.876
Số đầu năm			
Vay dài hạn ngân hàng	151.100.000.000	48.725.000.000	102.375.000.000
Nợ thuê tài chính	40.481.023.207	18.669.704.364	21.811.318.843
Cộng	191.581.023.207	67.394.704.364	124.186.318.843

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn</u>	<u>Chênh lệch tỷ giá</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Vay dài hạn ngân hàng	102.375.000.000	(60.000.000.000)	(27.750.000.000)	-	14.625.000.000
Nợ thuê tài chính	21.811.318.843	(782.140.630)	(10.636.304.897)	(28.499.440)	10.364.373.876
Cộng	124.186.318.843	(60.782.140.630)	(38.386.304.897)	(28.499.440)	24.989.373.876

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Quỹ dự phòng để bổ sung vào quỹ tiền lương của năm sau.

22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Chi quỹ trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u>
Quỹ khen thưởng	118.631.160	-	118.631.160
Quỹ phúc lợi	654.605.818	(208.000.000)	446.605.818
Cộng	773.236.978	(208.000.000)	565.236.978

23. Vốn chủ sở hữu

23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Trong tháng 9/2017 công ty đã tăng vốn từ nguồn thặng dư với số tiền là: 590.446.250.000 đồng. Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục đính kèm.

23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ông Doãn Tới	569.050.000.000	299.500.000.000
Ông Doãn Chí Thanh	171.000.000.000	90.000.000.000
Ông Doãn Chí Thiên	170.999.990.000	90.000.000.000
Các cổ đông khác	335.448.760.000	176.552.500.000
Cộng	1.246.498.750.000	656.052.500.000

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

23c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	125.044.625	66.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	125.044.625	66.000.000
- Cổ phiếu phổ thông	125.044.625	66.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	394.750	394.750
- Cổ phiếu phổ thông	394.750	394.750
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	124.649.875	65.605.250
- Cổ phiếu phổ thông	124.649.875	65.605.250
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

23d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã chia cổ tức cho cổ đông theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2017 số 23/NQ.ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 5 năm 2017 với số tiền là 59.044.725.000 VND.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

24a. Ngoại tệ các loại

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dollar Mỹ (USD)	109.747,88	199.790,54
Euro (EUR)	2.103,64	3.645,79

24b. Nợ khó đòi đã xử lý

	<u>Số cuối kỳ</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Nguyên tệ</u>	<u>VND</u>
Khách hàng nước ngoài	7.700.520,76	145.592.586.927	7.610.520,76	143.669.376.927
Khách hàng trong nước		19.368.675.322		19.368.675.322
Cộng		<u>164.961.262.249</u>		<u>163.038.052.249</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Quý 4-2017</u>	<u>Quý 4-2016</u>
Doanh thu bán thành phẩm	831.418.433.598	755.376.000.460
Doanh thu bán nguyên liệu	190.782.715	556.746.008
Doanh thu khác	4.029.943.994	4.397.775.835
Cộng	<u>835.639.163.307</u>	<u>760.330.522.303</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.13, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho Công ty TNHH Đại Tây Dương với số tiền là 18.610.240 VND (cùng kỳ năm trước có giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ với số tiền là 144.508.304).

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Chiết khấu thương mại	15.000.000	432.865.000
Hàng bán bị trả lại	3.539.266.532	2.837.457.465
Giảm giá hàng bán	1.572.813.175	778.329.412
Cộng	5.127.079.707	4.048.651.877

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Giá vốn của thành phẩm đã bán	692.720.415.760	683.399.963.188
Giá vốn của nguyên liệu đã bán	191.069.000	558.612.000
Giá vốn khác	207.321.037	3.297.414.776
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	12.911.739.850	(3.035.007.893)
Cộng	706.030.545.647	684.220.982.071

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4-2017	Quý 3-2016
Lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	4.860.863.750	2.659.712.746
Lãi tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.349.952	16.583.741
Lãi tiền cho vay	111.343.553	287.906.642
Cổ tức, lợi nhuận được chia		29.000.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	340.529.949	4.112.281.671
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	254.496.052	
Lãi bán hàng trả chậm	-	36.531.236
Cộng	5.577.583.256	36.113.016.036

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí tài chính**

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Chi phí lãi vay	12.252.669.725	18.428.257.908
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	140.481.863	4.324.587.925
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	3.834.533.711
Lỗ do chuyển nhượng cổ phần Cty DAP 2 - Vinachem	-	-
Dự phòng/Hoàn nhập giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	1.509.375.267	3.007.641.163
Cộng	12.902.526.855	29.595.020.707

6. Chi phí bán hàng

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Chi phí cho nhân viên	1.340.909.954	2.500.117.578
Chi phí vật liệu, bao bì	7.117.328	14.612.539
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	12.224.060	63.363.883
Chi phí hoa hồng	23.305.546.106	8.256.139.476
Chi phí kiểm hàng	1.368.371.010	1.830.216.125
Chi phí bốc hàng		2.486.480.769
Chi phí vận chuyển	15.757.246.666	16.815.330.067
Chi phí bảo hiểm	1.943.990.629	
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.566.373.672	5.359.367.131
Các chi phí khác	420.675.775	437.448.082
Cộng	46.722.455.200	37.763.075.650

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Chi phí cho nhân viên	19.081.414.970	9.282.065.527
Chi phí vật liệu quản lý	294.596.948	384.481.694
Chi phí đồ dùng văn phòng	68.197.630	88.308.214
Chi phí khấu hao tài sản cố định	297.372.588	348.492.474
Thuế, phí và lệ phí	1.017.092.602	1.357.212.430
Dự phòng/(Hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi	1.758.610.545	6.619.185.707
Chi phí dịch vụ mua ngoài	402.986.240	1.084.167.475
Chi phí tiếp khách	296.297.699	570.692.234
Các chi phí khác	923.582.840	1.073.825.458
Cộng	24.140.152.062	20.808.431.213

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Thu nhập khác

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	154.545.454	-
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	-	107.053.000
Xử lý công nợ tồn lâu	11.854.578	602.563.750
Thu nhập khác	1.743.517.855	122.666.416
Cộng	1.909.917.887	832.283.166

9. Chi phí khác

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Chi phí khấu hao tài sản cố định hữu hình	20.501.250	20.501.250
Chi phí công cụ dụng cụ không sử dụng	-	6.875.000
Thuế bị phạt, bị truy thu	2.302.261	
Phạt do vi phạm hợp đồng	3.726.340.000	92.865.081
Xử lý công nợ tồn lâu		54.925.052
Chi phí khác	3.128.039	(557.000.236)
Cộng	3.752.271.550	(381.833.853)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh các giao dịch sau với các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Ông Doãn Tới		
Công ty đi vay	-	6.495.000.000
Công ty chia cổ tức	26.955.000.000	-
Bà Dương Thị Kim Hương		
Công ty đi vay		55.000.000.000
Ông Doãn Chí Thanh		
Công ty chia cổ tức	8.100.000.000	-
Tạm ứng	226.413.930	156.562.410
Ông Doãn Chí Thiên		
Công ty chia cổ tức	8.100.000.000	-
Tạm ứng	-	90.000.000
Mua tài sản	-	1.600.000.000
Ông Đỗ Lập Nghiệp		
Tạm ứng	50.000.000	-

Cam kết bảo lãnh

Ông Doãn Tới dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam và Ngân hàng United Overseas Bank (xem thuyết minh số V.20).

Ông Doãn Chí Thiên dùng tài sản cá nhân để bảo đảm cho khoản vay của Công ty tại Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam (xem thuyết minh số V.20).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.5, V.19 và V.20.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác

Công ty TNHH MTV Ân Độ Dương
Công ty TNHH Thủy sản Biển Đông
Công ty Cổ phần Rau quả Nông trại xanh
Công ty TNHH Đại Tây Dương
Công ty TNHH Thanh Thiên
Công ty Cổ phần Cromit Nam Việt

Mối quan hệ

Công ty con
Công ty con
Công ty liên kết
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư
Công ty cùng chủ đầu tư

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Triple T Corporation (USA)	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập tại Hoa Kỳ
Công ty TNHH TMDV Navifeed	Công ty do con của chủ tịch HĐQT thành lập

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số V.13 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch với các bên liên quan khác không phải là công ty con và công ty liên kết như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Đại Tây Dương		
Công ty đi vay	-	13.683.750.000
Cho vay	6.850.000.000	13.850.000.000
Lãi cho vay	413.837.955	45.509.722
Mua nguyên vật liệu	49.939.478	23.433.800
Mua tài sản	2.660.940.000	-
Thuê kho	13.271.640.000	-
Chuyển nhượng cổ phần DAP số 2 – Vinachem	-	546.750.000.000
Thu hộ	-	5.893.346
Công ty TNHH TMDV Navifeed		
Cho thuê xe	56.363.636	-
Bán thành phẩm, vật tư	63.543.765.182	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty thế chấp Quyền sử dụng đất tọa lạc tại xã Bình Thạnh, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang để đảm bảo cho khoản vay của Công ty TNHH MTV Ấn Độ Dương tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển (xem thuyết minh số V.11).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.2, V.3, V.4, V.5, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ IV NĂM 2017

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Quý 4-2017	Quý 4-2016
Xuất khẩu	529.692.630.062	458.378.413.941
Trong nước	300.819.453.538	297.903.456.485
Cộng	830.512.083.600	756.281.870.426

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

Lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động của Công ty chủ yếu chỉ nằm trong một lĩnh vực kinh doanh là sản xuất chế biến cá.



Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu

Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng



An Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2018

Nguyễn Duy Nhứt
Phó Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN NAM VIỆT

Địa chỉ: Số 19D Trần Hưng Đạo, phường Mỹ Quý, TP. Long Xuyên, tỉnh An Giang
BẢO CẢO TÀI CHÍNH

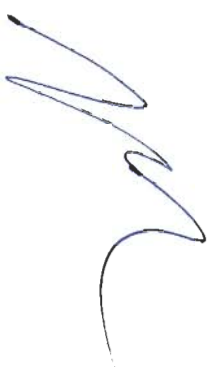
Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2017

Phụ lục: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	8,651,672,241	1,253,199,501,493
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	66,104,612,428	66,104,612,428
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ trước	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	74,756,284,669	1,319,304,113,921
Số dư đầu năm nay	660,000,000,000	611,965,459,100	(27,417,629,848)	74,756,284,669	1,319,304,113,921
Tăng vốn	590,446,250,000	(590,446,250,000)	-	88,616,239,377	-
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	(59,044,725,000)	(59,044,725,000)
Chia cổ tức trong kỳ	-	-	-	104,327,799,046	1,348,875,628,298
Số dư cuối kỳ này	1,250,446,250,000	21,519,209,100	(27,417,629,848)	-	-

An Giang, ngày 17 tháng 01 năm 2018


Huỳnh Thị Kim Thoa
Người lập biểu


Lê Tiến Dũng
Kế toán trưởng


Nguyễn Duy Nhật
Phó Tổng Giám đốc

Long Xuyên, ngày 19 tháng 01 năm 2018

Trích yếu: "Giải trình biến động lợi nhuận
Công ty mẹ quý IV/2017 so với cùng kỳ năm trước"

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC
- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP HỒ CHÍ MINH**

Công ty Cổ phần Nam Việt (mã chứng khoán: ANV) giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ như sau:

- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2017: 36 tỷ đồng
- Lợi nhuận sau thuế quý IV/2016: 21,8 tỷ đồng

Tăng 14,2 tỷ đồng tương đương tăng 65% so với cùng kỳ.

Nguyên nhân chủ yếu:

- Doanh thu thuần Quý IV/2017 đạt 830,5 tỷ đồng, tăng 74,2 tỷ đồng, tăng 9.8% so với cùng kỳ, trong khi Giá vốn chỉ tăng ở mức 3.19%. Dẫn đến Lợi nhuận gộp Quý IV/2017 tăng 52,4 tỷ đồng, tăng 72% so với cùng kỳ năm trước.

- Quý IV/2017, Chi phí tài chính giảm 17 tỷ đồng, giảm 56% so với cùng kỳ.

Công ty giải trình số liệu với quý cơ quan và cổ đông biết.

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên
- Ban TGD
- Lưu VT

lc - **TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Duy Nhật